

THƠ ĐÁ TỪ MIỀN ĐẤT THIÊNG VỀ VỚI ĐỜI THƯỜNG

*Hà Minh Đức**

Thơ là một thể loại văn học xuất hiện sớm gắn với nhu cầu tự biểu hiện mình, bộc lộ cảm xúc trước thiên nhiên tạo vật và cuộc sống con người. Trong ngọn nguồn từ thời nguyên thủy, những câu hò của người kéo gõ trên sông, câu ca của người chài lưới, lời phù chú của các thầy phù thủy đều là mầm mống ban đầu của thi ca. Nhưng tự nó trong đời sống đã có sự phân loại, những lời ca dân già bình dân vẫn theo dòng chảy của nó và những lời cầu nguyện mang tính chất linh thiêng trong địa hạt tâm linh trở thành và được xem như những giá trị tinh thần cao đẹp của con người. Trong thần thoại cổ Hy Lạp có hai vị thần đặc biệt như đối lập về quyền lực là Jupiter và nữ thần sắc đẹp là thơ ca (Vénus). Thơ ca có vị trí quan trọng giao tiếp ứng xử của các vị thần. Trong tác phẩm *Ion* của Platon, tác giả đã để cho nhân vật Ion được đối thoại với Socrate. Ion là người ngâm thơ, truyền đạt những ý tưởng của thần linh đến người đọc, người nghe. Socrate chất vấn khi anh hành lễ tại sao lại khóc, lại cười, anh có niềm vui gì, nỗi đau gì, có mát mát tiền không? Ion trả lời không mà chỉ truyền đạt lại ngôn từ của thần thánh và từ đó tạo cho người nghe cũng vui cười, khóc than như ý tưởng của thần thánh. Platon nhấn mạnh đến sự cảm hóa có tính linh thiêng của thơ ca.

Nhà thơ là người nhớ lại, nói lại những cảm xúc và ý tưởng tiếp nhận được từ cõi trời. Và người đời có thói quen tôn vinh những ý tưởng tốt đẹp là ý Chúa, là "tạo hóa sinh ra" như Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ hay còn gọi là thiên thu như trong *Nam quốc sơn hà*.

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thu
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

* GS., Viện Văn học.

Các loại thể thơ ca mở rộng dung lượng phản ánh cũng mang nhiều tính chất truyền lệnh như cáo, biểu, hịch,...

Thơ ca Việt Nam thời trung đại ngoài dòng thơ dân gian không mang tính chính thống là nền thơ bác học của những nhà thơ quý tộc có đẳng cấp từ vua quan cho đến các "hiền nhân quân tử". Thơ chiếm lĩnh vị trí quan trọng trong văn hóa chính thống của thời đại từ việc thi cử quốc gia, đối thoại và bang giao quốc tế, thù tạc xướng họa ở các văn đàn. Vua chúa cũng nhập cuộc xem thơ là phẩm chất mà các đấng quân vương nếu có càng thêm thanh thế. Lê Thánh Tông chủ soái Tao đàn nhị thập bát tú, Trần Nhân Tông cũng có thơ hay. TỰ ĐỨC cũng được xem là người hay chữ, có bài *Khóc Bàn Phi* nổi tiếng. Ngọc Hân công chúa xúc động lòng người với *Ai tư văn* khóc vua Quang Trung qua đời. Các quan lại triều đình trước khi được bổ nhiệm đều phải thành đạt qua những thử thách của trường ốc nghiêm ngặt. Để có được một danh hiệu Cử nhân, Thám hoa và cao hơn là Bảng nhãn, Trạng nguyên đều phải có vốn kiến thức uyên thâm và có khả năng làm thơ hoặc có thơ cho mình, cho đời... Chúng ta luôn có một khó khăn khi phải so sánh tài năng của văn nhân Việt với Trung Hoa - nền văn hóa gốc của khu vực. Mặc dù thế, lòng tự hào dân tộc không phải chỉ thể hiện ở tinh thần kiên cường bảo vệ Tổ quốc mà còn ở bản sắc văn hóa đặc biệt. Một câu chuyện bình dị của Trung Quốc *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân đã được đôi mắt xanh của Nguyễn Du chọn và tái tạo nên một kiệt tác thi ca. Truyện bói Kiều cũng nói lên yếu tố tâm linh của thi ca vận dụng để đoán định số phận con người. Thơ ca với những thi phẩm ở đỉnh cao đều chạm vào nhiều yếu tố có tính huyền thoại. Đánh giá tài năng của Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát có:

Văn như Siêu Quát vô tiền Hán

Thi đảo Tùng Tuy thất thịnh Đường

Nhìn sang phương Tây thời Phục hưng ở các nước Ý, Anh, Pháp... thơ mang sức sống mới. Những thế kỷ trước thơ chịu sức ép của tôn giáo và quyền chuyên chế của chế độ quân chủ nên như một thứ ngôn ngữ của bề trên thể hiện tư tưởng, đạo lý được xem là thiêng liêng. Khi chế độ quân chủ bị các cuộc cách mạng tư sản tước mất quyền lực thì bằng giá trị tinh thần của xã hội có nhiều thay đổi. Cung điện, nhà thờ mất dần quyền lực. Đồng tiền lên ngôi. Phương châm quen thuộc trong đời sống là "ai có tiền người ấy là chủ". Shakespeare trong *Người lái buôn thành Venice* cũng như Göthe trong *Faust* đều có những chương miêu tả quyền lực của đồng tiền. Đồng tiền thống trị và dường như mua được tất cả. Nói như các nhà kinh điển là khi một tập thơ đổi được tám lạng thuốc lá thì nhiều giá trị tinh thần cũng thay đổi. Nhà thơ dần quên đi những chức năng sáng tạo cao cả, thơ là tiếng nói của tâm hồn, là lời nguyện cầu, là thông điệp thiêng liêng... và trực tiếp nhà thơ

phải kiếm sống. Nhà thơ bị đẩy đến chân tường của cuộc sống. Mác chỉ rõ: "Nhà văn đương nhiên phải kiếm tiền mới có thể sống và viết nhưng nhà văn tuyệt nhiên không được sống, viết để kiếm tiền.

Khi Bê răng giê hát

Tôi chỉ sống để làm những bài ca

Nhưng thưa ngài nếu tôi bị tước mất việc làm

Thì tôi sẽ làm những bài ca để sống

thì trong sự đe dọa ấy ẩn giấu một sự thú nhận mỉa mai rằng nhà thơ sẽ không còn là nhà thơ nữa khi mà thơ đã trở thành phương tiện sinh sống của nhà thơ. Nhà văn hoàn toàn không coi tác phẩm mình là phương tiện. Tác phẩm là mục đích tự thân"¹.

Nhà thơ trước những nhu cầu của cuộc sống như áp lực vô hình đã trở thành bình thường và bị tước mất những hào quang ảo tưởng một thời. Và cũng không riêng gì nhà thơ, một số người hoạt động tinh thần được tôn vinh dưới chế độ phong kiến cũng ở trong trường hợp tương tự.

Trong *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, C. Mác, Ph. Ăngghen đã chỉ ra tình trạng mất thiêng của những con người "giai cấp tư sản đã tước hết hào hứng thần thánh của tất cả những hoạt động xưa nay vẫn được trọng vọng và tôn sùng. Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó"².

Bước sang đầu thế kỷ XX, thơ ca Việt Nam bước vào thời kỳ hiện đại và đã thấm dần quy luật nghiệt ngã của nền kinh tế thuộc địa con đẻ của kinh tế tư bản. Tản Đà - thi sĩ lớn của thời kỳ này - mang theo nhiều mâu thuẫn trong tư tưởng vẫn còn thả hồn thơ vào những chốn mộng tưởng xa xôi nhưng cũng đã bắt gặp một thực tế chua chát:

Văn chương hạ giới rẻ như bèo

Thời kỳ 1930-1945 thơ chịu nhiều ảnh hưởng của các vấn đề chính trị, xã hội, quan điểm nghệ thuật phức tạp khác nhau nên cũng không thuần nhất. Khuynh hướng thơ ca lãng mạn trên nền của văn học lãng mạn làm chủ thi đàn nên có xu hướng lý tưởng, thi vị hóa thơ so với các thể loại khác và tạo cho thơ một vẻ riêng duyên dáng, hấp dẫn:

Là thi sĩ nghĩa là ru với gió

Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây

1. C. Mác, Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 5, tr. 916.

2. C. Mác, Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, tr. 600.

*Để tâm hồn ràng buộc bởi muôn giây
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.*

Có ý kiến phê bình Xuân Diệu là thoát ly, xa lánh cuộc đời, đưa thơ về miền mây gió mơ hồ. Xuân Diệu có lần nói lại ý tưởng của nhà thơ xem bản chất của thơ là giao cảm, đó là điểm khác biệt với các thể loại khác. Chữ "giao cảm" theo tác giả nên được hiểu theo nghĩa rộng, giao cảm với đời, giao cảm với thiên nhiên tạo vật. Nhà thơ lãng mạn không thoát khỏi những ràng buộc:

*Nỗi đời cơ cực đang giơ vuốt
Cơm áo không đùa với khách thơ*

Thế Lữ cũng xem chức năng của thi nhân là tìm cái đẹp: "*Tôi chỉ là một khách tình si / Ham vẻ đẹp của muôn hình muôn thể*". Chạy theo mộng tưởng và cái đẹp nhưng các nhà thơ lãng mạn không tìm được căn cứ lâu dài khi cắt đứt mối liên hệ với cuộc đời. Hàn Mặc Tử - nhà thơ lãng mạn bậc nhất với đầy đủ phẩm chất trong tâm tưởng thi ca: mơ ước, tình yêu, nguyện cầu, đau khổ, hạnh phúc, ân huệ nhưng vẫn bị dày vò bởi nhu cầu vật chất:

*Trời hỡi làm sao cho khỏi đói
Gió trắng có sẵn làm sao ăn.*

Thơ ca thường cũng được so sánh với những biểu tượng đẹp của thi ca hay vận dụng như tôn giáo và tình yêu. Hàn Mặc Tử vốn là con chiên của đạo Chúa. Bằng lòng thành kính, Hàn Mặc Tử qua lời thơ đã gây ấn tượng sâu sắc khi đưa thơ về với lời thiêng nguyện cầu.

Tình yêu - biểu tượng hấp dẫn thi ca, nàng thơ kiều diễm được các nhà thơ tôn vinh qua những sáng tác hấp dẫn của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính... với vẻ đẹp quyến rũ, lãng mạn. Vũ Hoàng Chương, Bích Khê, Đinh Hùng... đắm đuối trong hương sắc ái ân của tình yêu đôi lứa. Tất cả đã biểu hiện tình yêu của đời thường cho dù đòi hỏi tình yêu đến vô biên và tuyệt đích hoặc thoảng trôi theo thời gian của Lưu Trọng Lư: "Thơ ta cũng như tình nàng vậy. Mộng, mộng mà thôi mộng hững hờ". Đinh Hùng ca ngợi kỹ nữ và tôn thờ nữ sắc và xem thơ như người hầu:

*Em đài các lòng cũng thoa son phấn
Hai bàn chân kiều ngạo dẫm lên Thơ*

Trở về với đời thường thơ sẽ giàu có hơn vì nguồn sáng tạo ở ngay trong đời sống. Các nền thơ thế giới khi thoát khỏi miền đất thiêng của những thế kỷ trước trở nên phong phú hơn. Thơ ca Pháp thế kỷ XIX nổi lên với nhiều tài năng thi ca Lamartine, Alfred de Musset, Alfred de Vigny, Victor Hugo, Verlaine,

Baudelaire... Baudelaire nổi lên với *Những bông hoa tội ác* "les fleurs du mal" được xem là người mở đầu cho thời kỳ hiện đại. Thơ ca Việt Nam bước sang đầu thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều dấu hiệu đổi thay, dẫn đến thời kỳ hưng thịnh 1930 - 1945.

Điều quan trọng khi thơ về với đời thường, nhà thơ cũng trở thành gần gũi tự làm giàu mình với cuộc sống nhiều màu sắc. Nhà thơ là chủ thể sáng tạo tìm tòi cho mình một phong cách, một ngôn ngữ riêng. Trong Thơ mới thời kỳ 1930-1945 xuất hiện nhiều phong cách thơ hấp dẫn như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lu, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính... Không ai lặp lại ai và cũng không tự lặp lại mình trong chặng đường thơ ngắn ngủi. Thơ mất dần dấu vết của những tác phẩm thơ thấm đẫm đạo lý dạy đời, có linh thiêng nhưng không mờ mịt, u ám, hấp dẫn, ám ảnh bằng chính nó: thơ của cuộc đời.

Trở về với đời thường nhà thơ dễ cảm thấy chơi vơi, không nương tựa được vào cuộc sống như văn xuôi, không có sự chi viện nào ngoài bản thân mình. Cái tôi trở thành tâm điểm và hướng quen thuộc là khai thác cái tôi. Người làm thơ trình bày trước bạn đọc cái tôi của mình trong thơ. Có gì hấp dẫn mới lạ, quyến rũ, ám ảnh người đọc. Có gì khác lạ với những điều thường thấy, thường nghe. Do đó cũng dễ cạn nguồn. Những tài năng như Chế Lan Viên với gần 1.000 bài thơ qua các chặng đường thơ, Xuân Diệu viết 430 bài thơ tình cho Mai, Lan, Trúc... mà không có một nguyên mẫu rõ rệt nào. Tình yêu trên thiên đường của thần thánh cũng không dễ phong phú hơn là ở vườn địa đàng. Căn bệnh dễ thấy ở nhà thơ là hai trạng thái *chơi vơi* và *ngộ nhận*. Chơi vơi vì không đoán định được vốn tài sản tinh thần của mình và dễ tắt khi ngọn lửa cháy được thời gian ngắn. Lửa đã tắt không thắp lại được. Thế Lữ cũng chỉ đến với thơ ở cao trào trong vài năm, Huy Thông thì tắt hẳn, Chế Lan Viên cho rằng người tài năng cũng chỉ nổi tiếng được năm bảy năm. Điều đó đúng hơn cả với thơ. Platon cho rằng: nhà thơ có thơ hay là nhờ sự giúp đỡ của thần thánh. Khi thần thánh bỏ ra đi chỉ còn lại bản thân, thơ trở lại bình thường. Đó là một cách giải thích của ngày qua gắn với quan niệm tâm linh trong sáng tạo. Một nhược điểm cũng dễ nhận ra là tình trạng ngộ nhận về bản thân; không có điều kiện lắng nghe. Những người có quyền uy về chính trị xã hội, hoặc có nhiều thành tựu dễ vương vào nhược điểm này.

Trở về với đời thường, thơ chịu sự chi phối của hoàn cảnh và quan trọng nhất là môi trường dân tộc. Các dân tộc đều thích thơ theo những cảnh và giai đoạn khác nhau. Tuy nhiên, vị trí, sự tôn vinh của thơ cũng phụ thuộc vào tâm lý, thị hiếu của dân tộc. Phương Đông thơ có vị trí quan trọng hơn do phương thức tồn tại và trạng thái tư duy và tâm lý thường thức. Phải chăng đó là điều Hêghen đã nói. Người ta cũng cho rằng ở châu Âu, nước Ý (nhất là thời Phục hưng) và Pháp ở các thế kỷ

XIX thơ nổi trội với nhiều thành tựu. Nước Đức thiên về lý trí, mảnh đất sinh ra những nhà triết học lớn như Kant, Hegel, Feurbach.

Việt Nam là nước phát triển hơn về thơ, là dân tộc yêu thơ. Tư duy trong nhiều thế kỷ thiên về cảm xúc, giàu chất trữ tình, nên thơ có nhiều thành tựu quan trọng. Chúng ta có nhiều thần tượng thơ, những thi hào, thi bá chiếm đỉnh cao ở các thế kỷ.

Ngày nay thơ trở về với đời thường, song dư âm tốt đẹp vẫn còn đó. Lại thêm ngôn ngữ Việt thuận lợi cho sự làm thơ nên thơ đi vào đời sống, thơ đến với mọi nhà, thơ là của mọi người. Thơ như chất men say, biến hóa và len vào mọi hoạt động. Chất thơ đến với hội họa, âm nhạc, điện ảnh góp phần tạo nên nhiều giá trị tinh thần. Điều cần lưu ý là thơ vẫn là thơ với phẩm chất riêng của nó. Người làm thơ nhiều nhưng nhà thơ thì còn ít và nhà thơ hay lại càng hạn chế hơn. Những nhà thơ lớn vẫn là niềm tự hào của nền văn học dân tộc. Họ hiểu chỗ đứng của nhà thơ là ở trong cuộc đời: "*Thơ trong đời và hoa giữa nắng*" (Huy Cận).

Cuộc đời hôm nay mang những phẩm chất cao đẹp của một dân tộc anh hùng. Nhân dân hôm nay là vàng ròng đã thử lửa bảo vệ non sông đất nước qua hàng nghìn năm lịch sử và trong cuộc chiến đấu chống hai kẻ thù hung dữ. Mảnh đất, con người đều như có phép thiêng thể hiện sức mạnh của ý chí vẻ đẹp của tâm hồn. Riêng với Tố Hữu đã miêu tả các nhân vật như anh Nguyễn Văn Trỗi, chị Trần Thị Lý, bà mẹ Suốt từ đời thường trở thành anh hùng, tỏa sáng và có chất "thiên". Chất "thiên" ở đây nảy sinh từ đời thực trên mảnh đất thiêng. Cũng vì thế, nhà thơ không thể lý giải "thiên" và miêu tả như một hiện tượng, một con người bình thường. Chất thiêng không có căn cứ trong thơ sẽ trở về với đời thường; và mặt khác, nhân dân và dân tộc anh hùng cũng đòi hỏi những trang thơ thấm chất "thiên" của đời thường tốt đẹp.